

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NAM TỪ LIÊM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **243/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 25/6/2021

V/v: Xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Lập

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Oanh;
2. Ông Trần Quốc Sơn.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Tâm – Cán bộ tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm: Bà Lê Thị Thùy Dương
- Kiểm sát viên

Ngày 25/6/2021 Tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 499/2020/TLST-HNGĐ ngày 26/11/2020 về việc “*Xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/5/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 69/2021/QĐST-HNGĐ ngày 09/6/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Ngô Văn H, sinh năm 1982; (*Có mặt*)

Bị đơn: Chị Trần Thị L, sinh năm 1983. (*Có mặt*)

Cùng địa chỉ: Số nhà 60, Tổ dân phố số 6, phường P, quận N, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/10/2020 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là anh Ngô Văn H trình bày:

Anh Ngô Văn H kết hôn với chị Trần Thị L trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 07/7/2010 tại UBND xã M, huyện T, thành phố Hà Nội (nay là phường P, quận N, thành phố Hà Nội). Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 12 năm 2019 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã, xúc phạm nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, Anh H xin được ly hôn với chị L.

Về con chung: Anh H và chị L có 03 con chung là: cháu Ngô Văn N, sinh ngày 20/9/2001, cháu Ngô Diệu L, sinh ngày 30/10/2004 và cháu Ngô Văn Duy T, sinh ngày 07/12/2009. Hiện cháu N đã đủ tuổi trưởng thành, ở với ai là quyền của cháu. Khi ly hôn, cháu L và cháu T muốn ở với ai thì anh tôn trọng quyết định của các cháu. Trường hợp nếu hai cháu đều có nguyện vọng ở với anh thì anh không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn là chị Trần Thị L:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và các văn bản tố tụng khác của Tòa án cho chị L, nhưng chị L không đến Tòa giải quyết. Không có chứng cứ nào thể hiện có địa chỉ khác của chị Trần Thị L. Vì vậy không có tài liệu chứng cứ, bản tự khai ghi nhận ý kiến trình bày của bị đơn. Tòa án căn cứ vào tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập được để xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa:

Anh Ngô Văn H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh xin được ly hôn với chị Trần Thị L.
- Về con chung: Anh và chị L có 03 con chung là: Cháu Ngô Văn N, sinh ngày 20/9/2001, cháu Ngô Diệu L, sinh ngày 30/10/2004 và cháu Ngô Văn Duy T, sinh ngày 07/12/2009. Hiện cháu N đã đủ tuổi trưởng thành, ở với ai là quyền của cháu. Ly hôn, cháu L có nguyện vọng ở với anh, anh đồng ý. Anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T. Vì thực tế, cháu T chậm nói, không biết chữ và chị L không có ý kiến gì về việc nuôi các con. Trường hợp anh nuôi cả hai cháu là cháu L và cháu T thì anh không yêu cầu chị L phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị Trần Thị L đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm lần hai nhưng chị L vắng mặt tại phiên tòa và không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm phát biểu ý kiến:

- Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm đưa vụ án ra xét xử thấy Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Cụ thể: Thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Sau khi thụ lý vụ án đã thông báo thụ lý vụ án cho Viện kiểm sát và các đương sự. Xác định tư cách pháp lý của người tham gia tố tụng, quyết định đưa vụ

án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu cùng với việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng theo quy định tại các điều 28, 48, 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm đã chấp hành các quy định tại điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành quy định tại điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ, xét thấy, mâu thuẫn hôn nhân của anh Ngô Văn H và chị Trần Thị L đã đến mức trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn xin ly hôn của Anh H, cho Anh H được ly hôn với chị L. Cần giao cả hai con chung là cháu L và cháu T cho Anh H nuôi, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị L. Về tài sản chung và nợ chung, Anh H không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ kiện giữa nguyên đơn là anh Ngô Văn H với bị đơn là chị Trần Thị L có địa chỉ cư trú tại: Số nhà 60, Tổ dân phố số 6, phường P, quận N, thành phố Hà Nội. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội theo quy định tại Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã triệu tập chị Trần Thị L tham gia phiên hòa giải nhưng chị L đều vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được, Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Bị đơn là chị Trần Thị L đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm lần hai nhưng chị L vắng mặt tại phiên tòa và không có lý do. Căn cứ Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Trần Thị L.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Ngô Văn H và chị Trần Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 07/7/2010 tại UBND xã M, huyện T, thành phố Hà Nội (nay là phường P, quận N, thành phố Hà Nội) trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Vì vậy, hôn nhân của Anh H và chị L là hôn nhân hợp pháp.

Anh H cho rằng cuộc sống chung không hạnh phúc, vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 12 năm 2019 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã, xúc phạm nhau.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương về nơi cư trú của chị L và đối

với yêu cầu của Anh H thì được cung cấp: Hiện chị L đang sinh sống ổn định cùng gia đình anh Ngô Văn H tại địa chỉ: Số nhà 60, tổ dân phố số 6, phường P, quận N, thành phố Hà Nội. Về mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân gia đình giữa Anh H, chị L được biết anh chị có mâu thuẫn với nhau. Đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn của Anh H đối với chị L đề nghị Tòa án căn cứ tài liệu có trong hồ sơ để giải quyết theo đúng quy định.

Xét thấy, việc chị L không đến Tòa án để tự khai, hòa giải cũng như không đến tham gia phiên tòa mà không có lý do, như vậy thể hiện thái độ bỏ mặc, không có thiện chí hàn gắn tình cảm để cùng nhau xây dựng cuộc sống gia đình đúng với mục đích của cuộc sống hôn nhân.

Hội đồng xét xử thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa Anh H và chị L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu của Anh H xử cho Anh H được ly hôn đối với chị L.

Về con chung: Anh H và chị L có 03 con chung là: cháu Ngô Văn N, sinh ngày 20/9/2001, cháu Ngô Diệu L, sinh ngày 30/10/2004 và cháu Ngô Văn Duy T, sinh ngày 07/12/2009. Hiện cháu N đã đủ tuổi trưởng thành, Tòa án không xem xét. Ly hôn, Anh H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu L và cháu T. Anh H không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con. Tại Đơn trình bày nguyện vọng của con, cháu Ngô Diệu L trình bày nguyện vọng muốn ở với Anh H.

Ngày 10/6/2021, Tòa án đã lập biên bản xác minh tại Phòng Lao động thương binh xã hội quận Nam Từ Liêm: Phòng Lao động thương binh và xã hội quận Nam Từ Liêm đề nghị Tòa án giải quyết cho Anh H được ly hôn với chị L và giao 02 con chung là cháu L và cháu cho Anh H nuôi để đảm bảo quyền và lợi ích cho các cháu. Vì vậy, cần giao cháu L và cháu T cho Anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật. Chị L được quyền được đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Anh H không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung nên cần tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị L cho đến khi có yêu cầu hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về tài sản chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Về nợ chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[3] Về án phí: Anh Ngô Văn H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Anh Ngô Văn H và chị Trần Thị L được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 146, Điều 147, Điều 195, Điều 196, Điều 200, Điều 207, Điều 271, Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Ngô Văn H. Anh Ngô Văn H được ly hôn với chị Trần Thị L.

2. Về con chung: Anh H và chị L có 03 con chung là: cháu Ngô Văn N, sinh ngày 20/9/2001, cháu Ngô Diệu L, sinh ngày 30/10/2004 và cháu Ngô Văn Duy T, sinh ngày 07/12/2009. Hiện cháu N đã đủ tuổi trưởng thành, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét. Giao cháu Ngô Diệu L và cháu Ngô Văn Duy T cho Anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu L và cháu T đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị L cho đến khi có yêu cầu hoặc đến khi có quyết định khác thay thế.

Chị L được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Anh Ngô Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Anh Ngô Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Anh Ngô Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí Anh H đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0021013 ngày 25/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố Hà Nội. Anh H đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm. Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKS ND Quận Nam Từ Liêm;
- THA DS Quận N;
- Các đương sự;
- UBND phường P, quận N, thành phố Hà Nội;
- Lưu HS+ VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Trung Lập